

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-4-2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Tiến Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Văn Thắng

Bà Lê Thị Hoàng Diễm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa:

*1. Nguyên đơn:*

Chị Trương Thị D, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Số 2366/26 đường A, tổ 33, khu phố 2, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Chị Trương Thị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.*

*2. Bị đơn:*

Anh Mai Văn T, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Số 184 ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Anh Mai Văn T vắng mặt không rõ lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn ly hôn, bản tự khai cũng như đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị Trương Thị D trình bày:*

Chị và anh Mai Văn T quen nhau năm 1998, đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân do tự nguyện. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi nên đã ly thân đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Mai Văn T nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị D yêu cầu ly hôn anh T.
- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Mai Tuấn V, sinh năm 2001. Do con chung đã trưởng thành nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về tài sản chung*: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về nợ chung*: Vợ chồng không có nợ gì của ai nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, không có thời gian đi lại nên chị D đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt mình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án để tiến hành hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt nên không có lời trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Căn cứ đơn khởi kiện của chị Trương Thị D đối với anh Mai Văn T thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh T cư trú tại số 184 ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Chị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án để tiến hành hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt nên việc Tòa án xét xử vắng mặt chị D và anh T là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[2] Về nội dung:**

**[2.1]** *Về quan hệ hôn nhân*: Chị D và anh T đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị D cho rằng vợ chồng kết hôn năm 2001, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi nên đã ly thân đến nay. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập các đương sự nhằm tạo điều kiện để các bên hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh T cố tình vắng mặt.

Hội đồng xét xử thấy rằng thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T đã phát sinh và vợ chồng đã ly thân đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D với anh T đã kéo dài và đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp.

**[2.2] Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung tên Mai Tuấn V, sinh năm 2001. Do con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[2.3] Về tài sản chung:** Đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[2.4] Về nợ chung:** Đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[2.5] Án phí:** Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị D có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[1] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trương Thị D được ly hôn anh Mai Văn T.

**[2] Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung tên Mai Tuấn V, sinh năm 2001. Do con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3] Về tài sản chung:** Đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[4] Về nợ chung:** Đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5] Án phí:** Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Trương Thị D có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004797 ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

**[6] Quyền kháng cáo:** Dương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Dương Tiến Dũng**